

Số: 89/TB-UBND

Cẩm Vũ, ngày 23 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính cấp xã thuộc lĩnh vực phạm vi, quản lý của Sở Tư pháp

Thực hiện Công văn số: 2731/STP-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Sở Tư pháp về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp được công bố tại Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

Sau khi tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Vũ công bố kết quả rà soát thủ tục hành chính lĩnh vực cấp xã thuộc chức năng thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp, cụ thể như sau: Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã là 13 thủ tục hành chính (có phụ lục kèm theo), gồm:

I. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử:

1. Cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

II. Danh mục TTHC cấp xã:

1. Đăng ký khai sinh
2. Đăng ký kết hôn
3. Đăng ký nhận cha, mẹ, con
4. Đăng ký khai tử
5. Đăng ký giám hộ
6. Đăng ký chấm dứt giám hộ
7. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch
8. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
9. Đăng ký lại khai sinh
10. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
11. Đăng ký lại kết hôn
12. Đăng ký lại khai tử

- Giao cho công chức Tư pháp – Hộ tịch rà soát, tiến hành niêm yết TTHC theo quy định.

- Giao cho công chức Văn hoá – thông tin phối hợp đăng tải thông báo niêm yết công khai các thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử xã.

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính cấp xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp để các cán bộ, công chức, các tổ chức, công dân được biết. UBND xã đề nghị Bộ phận Một cửa, bộ phận chuyên

môn nghiêm túc triển khai thực hiện nghiêm ýt công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công chức chuyên môn có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Đức Thanh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC TƯ PHÁP- HỘ TỊCH



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
1	Đăng ký khai sinh.	
2	Đăng ký kết hôn.	
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con.	
4	Đăng ký khai tử.	
5	Đăng ký giám hộ.	
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ.	
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.	
8	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	
9	Đăng ký lại khai sinh.	
10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	
11	Đăng ký lại kết hôn.	
12	Đăng ký lại khai tử.	



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (được công bố theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)					
1	Đăng ký khai sinh.	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.	Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ luật Dân sự; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
2	Đăng ký	Ngay trong ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Miễn lệ phí	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	kết hôn.	tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	cấp xã.		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con.	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				người khuyết tật.	- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
4	Đăng ký khai tử.	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Đăng ký khai tử đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
5	Đăng ký	03 ngày làm việc kể	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Miễn lệ phí.	- Bộ luật dân sự năm 2015;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	giám hộ.	từ ngày nhận đủ giấy tờ.	cấp xã.		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023.
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					02/8/2023.
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
8	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thì thời hạn xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ).		trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến) * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
9	Đăng ký lại khai sinh.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh thường trú.	5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
11	Đăng ký lại kết hôn.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại kết hôn thường trú.	25.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tính thời gian xác minh 20 ngày).		hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	28/5/2020; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
12	Đăng ký lại khai tử.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); là 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.